

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/DS-ST
Ngày: 02/8/2018
V/v Tranh hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hữu Luật, bà Trần Thị Luận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

-Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018 tại nhà văn hóa khu Nhân Đào, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn K - sinh năm 1971;

Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện N, tỉnh Hải Dương. Có mặt

- Bị đơn: Anh Phạm Văn M- sinh năm 1974 và chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện N, tỉnh Hải Dương (Anh M ủy quyền cho chị H) Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện N, tỉnh Hải Dương (chị X ủy quyền cho anh Nguyễn Văn K). Chị X vắng mặt, anh K có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn anh Nguyễn Văn K trình bày:

Ngày 01/01/2017 (âm lịch) vợ chồng anh có cho vợ chồng anh Phạm Văn M, chị Nguyễn Thị H vay số tiền 50.000.000đ, không xác định rõ thời hạn trả mà chỉ thỏa

thuận khi nào vợ chồng anh yêu cầu thì vợ chồng anh M phải hoàn trả, thỏa thuận vay phải chịu lãi, lãi suất 1,5%/tháng lãi trả theo quý tức 3 tháng trả 1 lần. Khi nhận tiền chị H đã viết và ký giấy biên nhận nội dung hai bên thỏa thuận về thời hạn trả, lãi suất không ghi trong giấy mà chỉ thỏa thuận miệng. Tháng 8/2017 do cần tiền chi tiêu nên anh đã đến gặp và yêu cầu vợ chồng chị H trả lại tiền cho vợ chồng anh nhưng chị H cứ khất lần không chịu trả. Sau đó anh liên tục đến nhà, gọi điện để đòi tiền nhưng vợ chồng chị H đều lần tránh. Cùng thời điểm đó trong thôn A có nhiều người cho vợ chồng chị H vay tiền đến đòi vợ chồng chị H đều không trả nên anh cùng một số người đã làm đơn gửi đến công an xã, công an huyện tố cáo hành vi của vợ chồng chị H. Ngày 9/11/2017 Công an huyện N có văn bản trả lời xác định không có dấu hiệu tội phạm, UBND xã cũng tiến hành hòa giải nhưng vợ chồng chị H vẫn chưa trả tiền cho vợ chồng anh. Tại đơn khởi kiện anh yêu cầu vợ chồng chị H phải trả cho vợ chồng anh toàn bộ số tiền gốc là 50.000.000đ và tiền lãi phát sinh tính từ ngày vay ngày 01/01/2017 (âm lịch) tức là ngày 28/01/2017 (dương lịch) đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc theo mức lãi suất 1,5%/tháng. Ngày 31/7/2018 anh thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi, anh yêu cầu vợ chồng chị H trả tiền lãi cho anh theo mức lãi suất 1,2%/tháng còn các nội dung khác giữ nguyên.

Theo biên bản ghi lời khai bị đơn chị Nguyễn Thị H (anh M ủy quyền cho chị H) trình bày:

Khoảng 4 năm trước vợ chồng chị cần vốn làm ăn nên có vay tiền của vợ chồng anh K, chị vay tiền nhiều lần mỗi lần một ít sau đó lại trả và lại tiếp tục vay, đến ngày 01/01/2017 (âm lịch) thì hai bên đã chốt lại tổng số nợ gốc là 50.000.000đ và chị đã viết giấy biên nhận cho vợ chồng anh K. Chị xác nhận tờ giấy vay tiền do anh K nộp cho Tòa án theo đơn khởi kiện là đúng. Mục đích vay tiền là để làm vốn kinh doanh cho gia đình nhưng khi giao dịch, nhận tiền thì chỉ có mình chị, chồng chị có biết và cũng nhất trí. Khi vay tiền chị và vợ chồng anh K không thỏa thuận rõ thời hạn trả mà chỉ thỏa thuận khi nào anh K cần tiền sẽ thông báo, thỏa thuận vay phải trả lãi, lúc đầu lãi suất là 2%/tháng, sau đó giảm xuống 1,5%/tháng, tiền lãi trả theo quý. Nội dung thỏa thuận về thời hạn trả, lãi suất chỉ thỏa thuận miệng không ghi vào giấy vay tiền. Đến tháng 8 hoặc tháng 9/2017 vợ chồng anh K có yêu cầu chị phải trả tiền gốc, chị chưa có tiền trả nên có nói là sẽ thu xếp để trả dần, nhưng một vài tháng sau anh K và một số người khác trong thôn đã làm đơn đòi tiền chị gửi đến UBND xã, công an xã và còn tố cáo vợ chồng chị lừa đảo đến Công an huyện. Đến nay anh K khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị phải trả lại vợ chồng anh K toàn bộ tiền gốc và tiền lãi chị có ý kiến như sau: Về tiền gốc chị xác định vợ chồng chị còn nợ anh K 50.000.000đ, chị chấp nhận trả tiền nhưng đề nghị cho vợ chồng chị trả dần 3 tháng

trả một lần, mỗi lần một vài triệu cho đến khi trả xong nợ gốc. Về tiền lãi: anh K yêu cầu vợ chồng chị phải trả cho anh tiền lãi từ ngày vay 28/01/2017 (dương lịch) đến khi trả xong nợ gốc với mức lãi suất là 1,5%/tháng, về mức lãi xuất và thời hạn tính lãi như vậy chị nhất trí, nhưng do hiện vợ chồng chị làm ăn thua lỗ nên đề nghị anh K miễn tiền lãi cho vợ chồng chị, trường hợp anh K rút lãi suất xuống chị cũng nhất trí.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh M, chị H trả cho anh số tiền gốc 50.000.000đ và tiền lãi từ ngày 28/01/2017 cho đến khi trả xong nợ gốc theo mức lãi suất 1,2%/tháng.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh K; buộc anh M, chị H phải trả cho anh K, chị X số tiền 50.000.000đ tiền gốc và tiền lãi theo lãi xuất 1,2%/tháng trên nợ gốc kể từ ngày 28/01/2017 cho đến khi trả xong nợ gốc. Về án phí chị H, anh M phải chịu án phí theo quy định, hoàn trả anh K số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Văn M, chị Nguyễn Thị H vắng mặt và có đơn xin vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị X vắng mặt nhưng người đại diện theo ủy quyền của chị X có mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 2 Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn phải trả số tiền gốc 50.000.000đ và tiền lãi phát sinh, HĐXX xét thấy:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai anh K khởi kiện yêu cầu anh M, chị H phải trả số tiền gốc là 50.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo mức lãi xuất 1,5%/tháng, quá trình Tòa án giải quyết vụ án, tại biên bản ghi lời khai ngày 31/7/2018, tại phiên tòa anh K thay đổi yêu cầu khởi kiện về mức lãi suất, yêu cầu vợ chồng chị

H trả tiền lãi theo mức lãi 1,2%/tháng. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của anh K là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của BLTTDS về quyền tự định đoạt của đương sự.

Đối với yêu cầu đòi tiền gốc: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn K, bị đơn chị Nguyễn Thị H đều thống nhất xác định giữa các bên đã thực hiện việc giao kết hợp đồng vay tài sản theo giấy vay tiền ngày 01/01/2017 (âm lịch) (BL 01), khi cho vay hai bên không thỏa thuận thời hạn trả mà thỏa thuận khi nào bên cho vay yêu cầu trả thì bên vay phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Tháng 8/2017 vợ chồng anh K đã yêu cầu vợ chồng chị H phải trả toàn bộ nợ gốc, vợ chồng chị H đề nghị cho trả dần, vợ chồng anh K không chấp nhận nhưng sau đó anh M, chị H vẫn chưa thanh toán cho anh K số tiền còn nợ. Xét khi tham gia giao kết hợp đồng các bên đều tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của BLDS, các bên không có tranh chấp về các nội dung đã thỏa thuận và thực hiện trong hợp đồng như thời hạn vay, số tiền vay, thời điểm yêu cầu trả tiền và thống nhất xác định đến thời điểm hiện nay số tiền gốc anh M, chị H còn nợ vợ chồng anh K, chị X là 50.000.000đ. Anh K yêu cầu vợ chồng anh M phải trả lại cho vợ chồng anh toàn bộ số nợ gốc nêu trên là có căn cứ. Chị H đề nghị cho vợ chồng chị trả dần tiền gốc 3 tháng trả một lần, mỗi lần một vài triệu cho đến khi trả xong toàn bộ nợ gốc, anh K không đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của chị H. Căn cứ quy định tại Điều 351, 357, 463, 466 BLDS buộc anh M, chị H phải trả cho vợ chồng anh K, chị X số tiền nợ gốc nói trên.

Về tiền lãi: nguyên đơn, bị đơn đều trình bày thống nhất khi hai bên thực hiện giao kết hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận vay phải trả lãi theo lãi suất 1,5%/tháng việc thỏa thuận về nghĩa vụ trả lãi thỏa thuận miệng không thể hiện trong giấy vay tiền. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất 1,2%/tháng kể từ ngày vay 28/1/2017 (dương lịch) cho đến khi trả xong nợ gốc, bị đơn nhất trí về mức lãi suất, thời hạn tính lãi tuy nhiên đề nghị nguyên đơn miễn tiền lãi, nguyên đơn không chấp nhận đề nghị này. HĐXX xét thấy khi các bên thực hiện giao dịch vay tiền đã thỏa thuận về nghĩa vụ trả lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng, nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo mức lãi suất là 1,2%/tháng kể từ ngày vay 01/01/2017 (âm lịch) tức 28/01/2017 (dương lịch) là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Bị đơn đề nghị nguyên đơn miễn tiền lãi, nguyên đơn không chấp nhận nên không có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của bị đơn. Buộc anh M, chị H phải trả cho vợ chồng anh K, chị X số tiền lãi tính đến ngày xét xử là 18 tháng 5 ngày bằng 10.900.000đ và phải tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh K được chấp nhận nên anh M, chị H phải chịu án phí theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 351, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 2 Điều 228, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn K.

1. Buộc anh Phạm Văn M, chị Nguyễn Thị H phải trả cho anh Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị X số tiền gốc là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng chẵn*) và tiền lãi (tính đến ngày xét xử 02/8/2018) là 10.900.000đ (*Mười triệu chín trăm nghìn đồng chẵn*), tổng bằng 60.900.000đ (*Sau mươi triệu chín trăm nghìn đồng chẵn*)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 02/8/2018, anh M, chị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 468 BLDS.

2. Án phí: Anh Phạm Văn M, chị Nguyễn Thị H phải chịu 3.045.000đ (*Ba triệu không trăm bốn lăm nghìn đồng chẵn*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Nguyễn Văn K 1.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nam Sách theo biên lai số AA/2016/0002253 ngày 11 tháng 6 năm 2018.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy